

Bản án số: 41/2026/HS-ST

Ngày: 04/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Văn Bình; Hà Viết Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Nhung – Thư ký TAND khu vực 12 - Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Cẩm Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hóa. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2026/TLST-HS, ngày 08 tháng 5 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1009/2026/QĐXXST-HS, ngày 22 tháng 5 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. **Phạm Văn Q**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; sinh ngày: 09/12/2005, tại **xã C, tỉnh Thanh Hóa**; nơi cư trú: **thôn G, xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Số CCCD: 038205004199; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 8/12; Dân tộc: Mường, Quốc tịch Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1970; con bà **Quách Thị M**, sinh năm: 1973; Vợ, con: Chưa; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 chuyển tạm giam từ ngày 20/9/2025. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm **giam C** (cơ sở 1) **Công an tỉnh T**. Bị cáo có mặt.

2. **Cao Đức T1**; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 13/7/2004 tại: **xã C, tỉnh Thanh Hóa**; HKTT: **Thôn G, xã C, tỉnh Thanh Hóa**. Số CCCD: 038204026126; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Con ông: **Cao Văn T2**, sinh năm 1979; Con bà **Phạm Thị T3**, sinh năm 1981; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/12/2025 chuyển tạm giam từ ngày 20/12/2025. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm **C** (cơ sở 1) **Công an tỉnh T**, có mặt.

3. **Nguyễn Văn H**; giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh ngày 07/4/1994 tại: **xã C, tỉnh Thanh Hóa**; HKTT và nơi ở hiện tại: **Thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa**. Số CCCD: 038094038476; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Con

ông: Nguyễn Văn K, sinh năm 1956; Con bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1960; Vợ: Nguyễn Thị T5, sinh năm 1995; có 2 con, con lớn sinh năm 2015; con nhỏ sinh năm 2025; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/9/2025 chuyển tạm giam từ ngày 20/12/2025. Hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm C (cơ sở 1) Công an tỉnh T, có mặt.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1995; Nơi cư trú: Thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa, có mặt

- Người làm chứng:

+ Anh Lê Văn T6; Sinh năm: 2000; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt

+ Anh Nguyễn Hữu H1; Sinh năm: 1995; Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, tỉnh Thanh Hóa, vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 11/9/2025, Nguyễn Văn H, sử dụng số điện thoại 0966234442 gọi đến số điện thoại 0879247375 của Phạm Văn Q nhờ mua hộ 500.000đ ma túy hồng phiến. Q trả lời để Q gọi hỏi rồi vào ứng dụng M1 gọi cho Lê Văn T6, sinh năm 2000 trú tại thôn Đ, xã C nhờ T6 mua hộ 1.000.000đ ma túy hồng phiến. T6 bảo để T6 hỏi thử rồi vào ứng dụng M1 gọi cho Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1995 trú cùng thôn hỏi mua ma túy hộ Q thì được H1 đồng ý. Hanh gửi mã QR tài khoản ngân hàng M2 số 0327657887 mang tên “NGUYEN HUU HANH” cho T6 và nói đến khu vực bãi rác thuộc thôn Đ để lấy ma túy. T6 chuyển mã QR tài khoản lại cho Q, bảo Q chuyển tiền cho H1 rồi dẫn Q đến khu vực bãi rác thuộc thôn Đ để lấy ma túy. Lúc này, Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RXS biển kiểm soát 36B1-512.77 mượn của Cao Đức T1, sinh năm 2004 trú tại Thôn G, xã C, tỉnh Thanh Hóa đi từ nhà Q đến nhà T1 để trả xe và gọi lại cho H báo đã liên hệ mua được ma túy hồng phiến. Sau đó, Q nhờ T1 chở đến nhà H, tại đây Q và H thống nhất sau khi mua được ma túy sẽ cùng nhau sử dụng rồi H chuyển 500.000đ vào số tài khoản của Q, nhận được tiền từ H, Q chuyển 1.000.000đ vào số tài khoản (QR) mang tên “NGUYEN HUU HANH” do T6 chuyển trước đó. Q tiếp tục bảo T1 chở đến khu vực bãi rác thuộc thôn Đ, còn H ở lại bờ sông gần nhà chờ. Khi đi đến thôn Đ, Q và T1 gặp T6, cả ba đứng nói chuyện một lúc thì thấy H1 đi qua “Hú” một tiếng. Thấy vậy Q một mình đi bộ đến bãi rác gặp H1. H1 đưa cho Q 01 gói giấy bạc bên trong có chứa ma túy hồng phiến. Q cất giấu gói ma túy vào trong người và nhét 01 chai nhựa tại bãi rác để làm dụng cụ sử dụng ma túy rồi quay lại cùng T1 đi về nhà H. Trên đường đi, Q bảo T1 dừng xe để Q xuống ven đường bẻ cành đu đủ. Khi quay lại chỗ H, Q đưa gói ma túy và bật lửa cho T1 rồi cầm vỏ chai nhựa đã nhét trước đó xuống sông mức nước, T1 đặt gói ma túy xuống đất và

chế nhỏ tia lửa của bật lửa, Q quay lại đưa chai nhựa chứa nước cho T1, H mở gói giấy bạc ra thì thấy bên trong có 05 viên nén hình tròn màu hồng và 01 viên nén hình tròn màu xanh, là ma túy hồng phiến. Q vớt 01 viên màu xanh xuống sông, H lấy 02 viên màu hồng cất đi và nói để H sử dụng sau, T1 dùng bật lửa hơi nóng thân chai rồi cắm cành đu đủ vào làm dụng cụ sử dụng ma túy. Q xé mảnh giấy bạc từ gói giấy bạc đựng ma túy gấp thành máng rồi bỏ 01 viên ma túy hồng phiến lên đưa cho T1. T1 dùng bật lửa đốt phía dưới giấy bạc làm cho viên ma túy tan chảy sau đó bốc khói lên rồi cắm chai nhựa cho đầu ống hút sang hướng làn khói, đồng thời dùng miệng hút vào phần miệng chai để làn khói bay vào trong chai vào cơ thể, sau khi T1 hút xong đến lượt Q, rồi đến H. 02 viên ma túy còn lại Q là người đốt để ba người hút quay vòng cho đến khi hết ma túy. Sau khi sử dụng xong, Q, T1, H vớt chai nhựa và mảnh giấy bạc dùng để đốt ma túy xuống sông, phần còn lại của gói giấy bạc đựng ma túy ban đầu để ở bậc cầu thang đi xuống bờ sông rồi cả ba đi về nhà. Khoảng 30 phút sau, H quay lại khu vực bờ sông M gần nhà, một mình tiếp tục sử dụng hết 02 viên ma túy hồng phiến đã cất trước đó. Sử dụng xong, H vớt dụng cụ sử dụng ma túy xuống sông rồi đi về nhà.

Đối với Lê Văn T6, sau khi Q và T1 đi về, T6 đến khu vực bãi rác gặp H1 và được H1 cho 03 viên ma túy hồng phiến, sau đó H1 nói có việc và đi về trước. Tại đây, T6 chế tạo dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 chai nhựa có cắm cuống lá đu đủ, giấy bạc, bật lửa và sử dụng một mình hết 03 viên ma túy hồng phiến này rồi để lại dụng cụ sử dụng ma túy và đi về nhà.

Nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo đã đến Công an xã C đầu thú về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, mong được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Tại bản kết luận giám định số 3532/KL-KTHS ngày 18/9/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh T, kết luận:

- *Chất màu hồng bám dính trên mảnh giấy bạc gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine.*

- *Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine trong mẫu nước tiểu ghi thu của Nguyễn Văn H, Phạm Văn Q gửi đến giám định.*

Tại bản Cáo trạng số 51/CT-VKSNDKV12, ngày 07/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa, truy tố bị cáo Phạm Văn Q, Cao Đức T1 và Nguyễn Văn H tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 58 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Q, Cao Đức T1 và Nguyễn Văn H phạm tội “Tổ chức

sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo:

Phạm Văn Q từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Cao Đức T1 từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 09 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Nguyễn Văn H từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giữ, tạm giam.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ vật chứng là công cụ các bị cáo sử dụng làm phương tiện sử dụng trái phép chất ma túy đã giám định. Trả lại cho chị **T5** 01 điện thoại di động. Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **Công an tỉnh T**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với, tang vật thu được và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 11/9/2025 tại **thôn T, xã C, tỉnh Thanh Hóa**, **Phạm Văn Q, Cao Đức T1, Nguyễn Văn H** đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.1]. Đối với hành vi **Nguyễn Văn H** một mình sử dụng trái phép chất ma túy ngày 11/9/2025 tại khu vực bờ **sông M thuộc thôn T, xã C** và hành vi **Lê Văn T6** một mình sử dụng trái phép chất ma túy ngày 11/9/2025 tại khu vực bãi rác thuộc **Thôn Đ, xã C**, Cơ quan điều tra đã chuyển Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy **Công an tỉnh T** quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đảm bảo quy định của pháp luật.

[2.2]. Đối với **Nguyễn Hữu H1**, quá trình điều tra vụ án, **H1** không nhận đã bán ma túy cho **T6**. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa **Phạm Văn Q, Lê Văn T6** với **Nguyễn Hữu H1**, tuy nhiên, cả ba đều xác nhận lời khai của bản thân mình tại CQĐT là đúng. Hành khai nhận tội ngày 11/9/2025, **H1** có gặp **T6**

nói chuyện một lúc nhưng H1 không đưa ma túy cho T6, H1 không gặp Q, không đưa ma túy cho Q. Số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) Q chuyển đến tài khoản ngân hàng của H1 là tiền Q trả nợ cho H1 và Q khai nhận trước đó có nợ H1 số tiền 1.000.000đ. Mặt khác điện thoại di động của Phạm Văn Q, Q mang theo điện thoại đi làm và để lại chỗ làm sau đó bị mất; Đối với điện thoại di động của Lê Văn T6, sau khi sử dụng ma túy xong, trên đường về nhà không biết đã làm rơi điện thoại ở đâu; Đối với điện thoại di động của Nguyễn Hữu H1, khi đi làm ăn tại Hà Nội, H1 đã bán điện thoại lấy tiền tiêu dùng cá nhân và không nhớ đã bán ở đâu. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm các điện thoại này, nhưng không thu được điện thoại. Do đó không có cơ sở để điều tra, thu thập thêm các tài liệu chứng cứ chứng minh khác. Vì vậy, không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với Nguyễn Hữu H1.

[2.3]. Đối với việc Lê Văn T6 liên hệ với Nguyễn Hữu H1 mua hộ ma túy cho Phạm Văn Q ngày 11/9/2025, quá trình điều tra xác định Lê Văn T6 không được bàn bạc thống nhất trước với H1, không được hưởng lợi ích từ việc liên hệ mua hộ ma túy cho Q và T6 không biết Q mua ma túy để làm gì. Mặc khác không đủ cơ sở xử lý H1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Vì vậy, không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Văn T6.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến các nguyên tắc quản lý, sử dụng chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Mặc khác, thời gian gần đây tệ nạn ma túy ngày càng phát sinh và phức tạp, đặc biệt là lứa tuổi thanh niên mới lớn. Không chịu lo làm ăn, sớm xa vào con đường tệ nạn, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và sự phát triển của xã hội. Do đó, việc áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc với các bị cáo là cần thiết nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo: Các bị cáo phạm tội không có sự bàn bạc từ trước, phân công vai trò cụ thể. Đó đó, đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo Q là người khởi xướng, góp tiền và trực tiếp giao dịch cùng T1 đi mua ma túy, chuẩn bị công cụ và đốt ma túy cho cả ba người sử dụng do đó Q có vai trò cao nhất trong vụ án. Bị cáo Thành đồng P với vai trò giúp sức tích cực, chở Q đi mua ma túy, chuẩn bị công cụ và đốt ma túy cho cả ba người sử dụng, do đó có vai trò thứ 2; Bị cáo H đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực, góp tiền để Q đi mua ma túy để tổ chức sử dụng, có vai trò thứ 3 trong vụ án.

[5]. Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã tự nguyện đầu thú. Bị cáo H có hoàn cảnh khó khăn, bà nội là

người có công với cách mạng được tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất. Do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng của vụ án:

Toàn bộ vật chứng là công cụ các bị cáo sử dụng làm phương tiện sử dụng trái phép chất ma túy đã giám định không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại thu của **Nguyễn Văn H**, đây là điện thoại của chị **Nguyễn Thị T5** (vợ bị cáo) là tài sản hợp pháp của chị **T5**, chị **T5** không biết **H** lấy sử dụng vào việc liên hệ mua ma túy, nên trả lại cho chị **T5**.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 47; Điều 58 Bộ luật hình sự. Khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 331; Điều 333 Bộ luật TTHS. Khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo **Phạm Văn Q**; **Cao Đức T1** và **Nguyễn Văn H** phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

Bị cáo **Phạm Văn Q** 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (14/9/2025).

Bị cáo **Cao Đức T1** 07 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (11/12/2025)

Bị cáo **Nguyễn Văn H** 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (14/9/2025).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về tang vật của vụ án:

Tuyên tịch thu tiêu hủy toàn bộ công cụ các bị cáo sử dụng để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy được niêm phong trong: 01 (một) túi niêm phong mã số PS1A 070361 được niêm phong bằng các chữ ký ghi rõ họ tên **Trần Thị Thúy H2**, **Nguyễn Quang H3** và các hình dấu của **Phòng K1 Công an tỉnh T**; 01 (một) túi niêm phong mã số PS3A 108247 được niêm phong bằng các chữ ký của **Nguyễn Thị D**, **Nguyễn Tiến D1** và các hình dấu của **Phòng K1 Công an tỉnh T**;

Trả lại cho chị Nguyễn Thị T5 01 điện thoại di động được niêm phong trong 01(một) phong bì màu trắng có chữ KLGD số 4531/KL-KTHS, ngày 26/11/2025 được niêm phong bằng các chữ ký ghi rõ họ tên của Trần Thị H4, Bùi Văn T7 và các hình dấu của Phòng K1 Công an tỉnh T;

(Các vật chứng hiện đang được lưu kho tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Thanh Hóa. Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/5/2026).

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 12 – Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Các bị cáo;
- Các cơ quan hữu quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị D2